

# KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG TRIỂN KHAI BẢO HIỂM RỦI RO THIÊN TAI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Mai Tuấn Anh<sup>1\*</sup>, Trần Anh Tuấn<sup>1</sup>

\* Tác giả liên hệ, Email: mtanh@hou.edu.vn. ORCID: 0009-0006-2191-986X

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1238

**Tóm tắt:** Nghiên cứu phân tích kinh nghiệm quốc tế trong triển khai bảo hiểm rủi ro thiên tai tại một số quốc gia tiêu biểu nhằm rút ra bài học cho Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp, so sánh quốc tế và tổng hợp trường hợp điển hình. Dữ liệu được thu thập từ báo cáo của các tổ chức quốc tế, văn bản chính sách, các nghiên cứu học thuật và mức độ thâm nhập bảo hiểm, cơ chế hỗ trợ của Nhà nước tại các quốc gia được lựa chọn. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai thành công thường dựa trên sự kết hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, dữ liệu rủi ro và cơ chế hỗ trợ tài chính phù hợp cho nhóm dễ tổn thương. Từ đó, bài báo đề xuất một số hàm ý chính sách cho Việt Nam về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, xây dựng cơ sở dữ liệu rủi ro, phát triển sản phẩm bảo hiểm phù hợp và tăng cường vai trò điều phối của Nhà nước.

**Từ khóa:** bảo hiểm rủi ro thiên tai, chính sách bảo hiểm, thích ứng biến đổi khí hậu

## I. Đặt vấn đề

Thiên tai đang trở thành rủi ro lớn đối với tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và an ninh tài chính của nhiều quốc gia. Rủi ro này không còn mang tính đơn lẻ mà ngày càng lan tỏa, tạo tác động dây chuyền đến đời sống dân cư, hoạt động sản xuất và năng lực tài chính công. Vì vậy, chuyển từ ứng phó bị động sang quản trị rủi ro chủ động và nâng cao khả năng chống chịu tài chính đang trở thành định hướng quan trọng trong phát triển bền vững.

Đối với Việt Nam, vấn đề này càng cấp thiết do nước ta thường xuyên chịu

tác động của bão, lũ, hạn hán, sạt lở đất và xâm nhập mặn. Theo Ngân hàng Thế giới, khoảng 59% diện tích đất và 71% dân số Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi bão và lũ, cho thấy nền kinh tế và xã hội có mức độ phơi nhiễm rất lớn trước thiên tai. Thiên tai không chỉ gây thiệt hại về người và tài sản mà còn làm gián đoạn sản xuất, ảnh hưởng đến sinh kế, gia tăng áp lực lên ngân sách nhà nước và cản trở mục tiêu phát triển dài hạn. Tuy nhiên, cơ chế bù đắp tổn thất hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, hỗ trợ cộng đồng và khả năng tự phục hồi của người dân, doanh nghiệp. Cách tiếp cận này tuy cần

<sup>1</sup> Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

thiệt nhưng còn bị động, phân tán và khó đáp ứng đầy đủ thiệt hại thực tế, trong khi bảo hiểm rủi ro thiên tai chưa phát triển tương xứng với nhu cầu.

Trên thế giới, bảo hiểm rủi ro thiên tai được xem là một công cụ quan trọng trong chiến lược tài chính ứng phó thiên tai. Công cụ này giúp phân tán tổn thất, hỗ trợ phục hồi sau thiên tai và giảm áp lực tài khóa cho chính phủ. Tuy nhiên, thị trường bảo hiểm thiên tai khó vận hành hiệu quả nếu chỉ dựa vào cơ chế thị trường thuần túy, do rủi ro có tính tích tụ cao, thiệt hại lớn, dữ liệu định phí phức tạp và khả năng chi trả của người dân còn hạn chế. Vì vậy, nhiều quốc gia đã áp dụng các mô hình như bảo hiểm có hỗ trợ của Nhà nước, bảo hiểm bắt buộc hoặc bán bắt buộc, bảo hiểm chỉ số, bảo hiểm tham số và cơ chế chia sẻ rủi ro nhiều tầng. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các mô hình thành công thường gắn với khuôn khổ pháp lý rõ ràng, vai trò điều phối của Nhà nước, dữ liệu rủi ro đầy đủ và cơ chế hỗ trợ phù hợp cho nhóm dễ bị tổn thương.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu liên quan, các công trình tổng hợp kinh nghiệm quốc tế để rút ra bài học chính sách cho Việt Nam vẫn còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung phân tích kinh nghiệm triển khai bảo hiểm rủi ro thiên tai tại một số quốc gia tiêu biểu, làm rõ các yếu tố quyết định hiệu quả như vai trò của Nhà nước, thiết kế sản phẩm, dữ liệu rủi ro, cơ chế tái bảo hiểm và khả năng tiếp cận của người dân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các bài học cho Việt Nam trong hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, phát triển thị trường bảo hiểm thiên tai và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc thiên tai.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Khái niệm rủi ro thiên tai

Thiên tai thường được hiểu không chỉ là một hiện tượng tự nhiên gây thiệt hại, mà là kết quả của mối tương tác giữa hiểm họa tự nhiên với mức độ phơi bày, tính dễ bị tổn thương và năng lực ứng phó của xã hội (Nguyễn Thị Vân Hà, 2016). Rủi ro thiên tai là khái niệm rộng hơn, chỉ khả năng tổn thất về người, tài sản, sinh kế và môi trường có thể xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định, được xác định bởi các yếu tố hiểm họa, phơi bày, dễ bị tổn thương và năng lực.

Rủi ro thiên tai được định nghĩa là “khả năng mất mát về sinh mạng, thương tích, hoặc tài sản bị phá hủy hoặc hư hại có thể xảy ra đối với một hệ thống, xã hội hoặc cộng đồng trong một khoảng thời gian cụ thể, được xác định theo xác suất như một hàm của mối nguy hiểm, mức độ tiếp xúc, tính dễ bị tổn thương và năng lực. Về mặt kỹ thuật, nó được định nghĩa thông qua sự kết hợp của ba thuật ngữ: mối nguy hiểm, mức độ tiếp xúc và tính dễ bị tổn thương.” Các hiện tượng như bão, lũ, động đất, sóng thần chỉ trở thành thiên tai khi chúng gây ra thiệt hại đáng kể về người, kinh tế, xã hội và môi trường.

### 2.2. Khái niệm bảo hiểm rủi ro thiên tai

Bảo hiểm rủi ro thiên tai là cơ chế tài chính chuyển giao rủi ro trước khi thiên tai xảy ra, nhằm bù đắp tổn thất và hỗ trợ phục hồi sau thảm họa (Surminski và cộng sự, 2016). Về bản chất, đây là hình thức người tham gia ở các cấp độ khác nhau đóng phí để chuyển những rủi ro đã được xác định trước cho doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Nhà nước, thay vì chỉ dựa vào nguồn tài trợ khắc phục hậu quả sau thiên tai.

Bảo hiểm rủi ro thiên tai có thể được triển khai dưới nhiều hình thức như bảo hiểm thiệt hại truyền thống, bảo hiểm chỉ số, bảo hiểm tham số hoặc mô hình công tư kết hợp. Các mô hình này khác nhau ở cách xác định tổn thất, cơ chế chi trả, mức độ tham gia của Nhà nước và nhóm đối tượng được bảo hiểm. Do rủi ro thiên tai thường có quy mô lớn, tính tích tụ cao và khó dự báo chính xác, thị trường bảo hiểm trong lĩnh vực này thường cần sự hỗ trợ của Nhà nước, nhất là trong xây dựng dữ liệu rủi ro, tái bảo hiểm và hỗ trợ phí cho nhóm dễ bị tổn thương (World Bank, 2025).

Xét từ góc độ chính sách, bảo hiểm rủi ro thiên tai không phải là giải pháp thay thế cho phòng ngừa mà là công cụ bảo đảm tài chính sau thiên tai. Hiệu quả của nó phụ thuộc vào việc gắn kết với các biện pháp giảm thiểu rủi ro như tiêu chuẩn xây dựng an toàn, quy hoạch sử dụng đất và quản trị thiên tai ở cấp quốc gia. Vì vậy, bảo hiểm chỉ thực sự phát huy tác dụng khi được đặt trong một hệ thống quản trị rủi ro tổng thể, thay vì vận hành độc lập.

Trên thế giới, bảo hiểm rủi ro thiên tai hiện không còn được xem là công cụ bồi thường đơn lẻ mà ngày càng được tích hợp vào khung tài chính rủi ro thiên tai đa tầng. Cách tiếp cận này giúp phân bổ trách nhiệm hợp lý giữa khu vực tư nhân, Nhà nước, thị trường tái bảo hiểm và trong một số trường hợp là thị trường vốn. Thực tiễn quốc tế cho thấy những mô hình hiệu quả thường là mô hình kết hợp, trong đó chi trả nhanh, tính minh bạch và khả năng chia sẻ rủi ro là các tiêu chí quan trọng hàng đầu. Đồng thời, xu hướng mở rộng bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tài sản và bảo hiểm vi mô cũng

cho thấy nỗ lực gia tăng độ bao phủ cho các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt tại các nước đang phát triển.

### III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp từ các công trình khoa học, báo cáo của tổ chức quốc tế, tài liệu quản lý nhà nước, báo cáo ngành bảo hiểm và văn bản chính sách tại một số quốc gia tiêu biểu. Các quốc gia được lựa chọn có chủ đích dựa trên mức độ rủi ro thiên tai, sự đa dạng của mô hình bảo hiểm, vai trò của Nhà nước và giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích định tính, kết hợp nghiên cứu trường hợp điển hình và phân tích so sánh. Phương pháp nghiên cứu trường hợp được sử dụng để làm rõ kinh nghiệm triển khai bảo hiểm rủi ro thiên tai tại một số quốc gia, tập trung vào khuôn khổ pháp lý, vai trò của Nhà nước, thiết kế sản phẩm, cơ chế tài chính và mức độ tham gia của người dân. Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu các mô hình theo những tiêu chí như cơ chế hỗ trợ của Nhà nước, chia sẻ rủi ro, mức độ bao phủ, chất lượng dữ liệu rủi ro và khả năng tiếp cận. Qua đó, nghiên cứu rút ra những bài học phù hợp cho Việt Nam.

### IV. Kết quả và thảo luận

#### 4.1. Tổng quan một số mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai điển hình trên thế giới

*Bảo hiểm nông nghiệp:* Theo Quốc hội (2022), Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã bổ sung nhiều quy định mới nhằm thúc đẩy thị trường bảo hiểm nông nghiệp. Theo đó, bảo hiểm nông nghiệp thuộc nhóm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo vệ trước các rủi ro phát sinh trong sản

xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn như cây trồng, vật nuôi, vật tư, hàng hóa, nguyên liệu và nhà xưởng. Đây là công cụ quan trọng giúp nông dân giảm tổn thất thu nhập và ổn định sản xuất sau thiên tai.

Nhật Bản là trường hợp điển hình trong phát triển bảo hiểm nông nghiệp. Hệ thống bảo hiểm của nước này được hình thành sớm, vận hành ổn định và giữ vai trò quan trọng trong chính sách hỗ trợ nông dân trước các rủi ro như bão, lũ, hạn hán, rét đậm và dịch bệnh. Mô hình Nhật Bản thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, tổ chức nông dân và doanh nghiệp bảo hiểm. Trong đó, Nhà nước định hướng chính sách và hỗ trợ tài chính; các hợp tác xã, tổ chức nông dân đóng vai trò trung gian kết nối, giảm chi phí giao dịch, nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và hỗ trợ xác minh tổn thất; doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện nghiệp vụ bảo hiểm. Như vậy, bảo hiểm nông nghiệp ở Nhật Bản không vận hành đơn lẻ theo cơ chế thị trường, mà gắn với hệ thống quản lý rủi ro nông nghiệp tổng thể. Hiệu quả của mô hình phụ thuộc lớn vào thiết kế thể chế, vai trò hỗ trợ của khu vực công và sự tham gia của các tổ chức trung gian.

*Bảo hiểm chỉ số* (Parametric Insurance): Khác với bảo hiểm truyền thống, bảo hiểm chỉ số chi trả dựa trên các chỉ số khách quan của sự kiện thiên tai như lượng mưa, tốc độ gió, mực nước, nhiệt độ hoặc năng suất bình quân, thay vì giám định thiệt hại thực tế của từng trường hợp. Cơ chế vận hành của loại hình này dựa trên ba yếu tố chính: chỉ số đo lường, ngưỡng kích hoạt và mức bồi thường định sẵn. Do đó, bảo hiểm chỉ số phù hợp với rủi ro thiên tai vì có thể giảm chi phí giám

định, rút ngắn thời gian chi trả và hạn chế tranh chấp. Tuy nhiên, mô hình này cũng có rủi ro cơ sở, tức là chỉ số kích hoạt có thể không phản ánh chính xác thiệt hại thực tế. Vì vậy, bảo hiểm chỉ số chỉ hiệu quả khi có dữ liệu khí tượng, sản xuất đáng tin cậy và ngưỡng kích hoạt được thiết kế rõ ràng.

Ấn Độ là ví dụ tiêu biểu thông qua chương trình Pradhan Mantri Fasal Bima Yojana (PMFBY), một mô hình bảo hiểm chỉ số trong nông nghiệp được triển khai trên quy mô lớn theo cơ chế hợp tác công tư. PMFBY vận hành dựa trên nguyên tắc phân vùng năng suất. Chính quyền chia khu vực sản xuất thành các đơn vị bảo hiểm và thực hiện các thử nghiệm cắt tỉa cây trồng ngẫu nhiên để xác định năng suất thực tế bình quân. Nếu năng suất của khu vực thấp hơn mức năng suất mục tiêu dựa trên dữ liệu lịch sử 7 năm, toàn bộ nông dân trong vùng được bồi thường theo tỷ lệ sụt giảm, không phụ thuộc vào mức thiệt hại riêng của từng hộ.

Một điểm nổi bật của PMFBY là mức phí nông dân phải trả rất thấp, chỉ khoảng 1,5% đến 2% đối với cây lương thực, cây dầu và 5% đối với cây thương mại, làm vườn. Phần phí còn lại được Chính phủ trung ương và chính quyền bang đồng tài trợ theo tỷ lệ 50:50 cho doanh nghiệp bảo hiểm. Nhờ đó, chương trình tạo ra lưới an sinh quan trọng, giúp nông dân yên tâm vay vốn và đầu tư sản xuất. Tuy nhiên, hạn chế lớn của PMFBY là chậm chi trả bồi thường, thường kéo dài từ 2 đến 6 tháng do khối lượng lớn các thử nghiệm thủ công sau thiên tai gây quá tải hệ thống hành chính.

Ngoài bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm chỉ số, bảo hiểm tài sản mở

rộng rủi ro thiên tai cũng là một mô hình phổ biến. Theo đó, rủi ro thiên tai không được thiết kế thành sản phẩm độc lập mà thường được tích hợp trong các hợp đồng bảo hiểm tài sản, nhà ở, doanh nghiệp hoặc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản. Loại hình này bồi thường khi tài sản bị thiệt hại do bão, lũ, ngập, sạt lở, động đất hoặc các hiện tượng tự nhiên khác theo phạm vi hợp đồng. Ưu điểm là dễ triển khai trên nền tảng các sản phẩm bảo hiểm sẵn có, nhưng hạn chế là quyền lợi bảo hiểm phụ thuộc nhiều vào điều khoản loại trừ và mức khấu trừ.

## **4.2. Kinh nghiệm quốc tế và các yếu tố thành công**

### **4.2.1. Vai trò dẫn dắt của Nhà nước và sự phối hợp của các bên liên quan**

Cả 2 mô hình bảo hiểm nông nghiệp của Nhật Bản và bảo hiểm chỉ số của Ấn Độ đều cho thấy Nhà nước giữ vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng khung chính sách, hỗ trợ tài chính và chia sẻ rủi ro. Đối với bảo hiểm nông nghiệp, Nhà nước không chỉ ban hành chính sách mà còn hỗ trợ để bảo hiểm trở thành một công cụ ổn định sản xuất sau thiên tai. Đối với bảo hiểm chỉ số, Nhà nước và chính quyền địa phương cần tham gia trợ cấp phí bảo hiểm để nông dân có khả năng tiếp cận sản phẩm.

Kinh nghiệm Nhật Bản cho thấy bảo hiểm nông nghiệp hiệu quả khi có sự kết hợp giữa Nhà nước, tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp bảo hiểm. Hợp tác xã và tổ chức nông dân giúp kết nối với người dân, giảm chi phí giao dịch và hỗ trợ xác minh tổn thất. Tương tự, mô hình PMFBY của Ấn Độ cũng dựa trên sự phối hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức nông dân.

### **4.2.2. Thiết kế sản phẩm bảo hiểm**

Thiết kế sản phẩm bảo hiểm là yếu tố quyết định hiệu quả triển khai. Điểm chung của các mô hình bảo hiểm nông nghiệp hay bảo hiểm chỉ số là chuyển từ cơ chế bồi thường hậu kiểm sang chi trả nhanh, minh bạch và có thể dự báo trước. Trong đó, bảo hiểm tham số có ưu thế về tốc độ chi trả, giúp cung cấp thanh khoản sớm, giảm tổn thất thứ cấp và hạn chế tranh chấp. Tuy nhiên, hiệu quả của mô hình phụ thuộc chặt chẽ vào việc xác định đúng sự kiện bảo hiểm, ngưỡng kích hoạt, phạm vi bảo hiểm, nguồn dữ liệu và phương pháp đo lường. Nếu thiết kế không phù hợp với tổn thất thực tế, rủi ro sai lệch chỉ số sẽ làm giảm niềm tin của người tham gia. Đối với nông nghiệp, bảo hiểm chỉ số có khả năng mở rộng tốt do chi phí thấp hơn bảo hiểm truyền thống và phù hợp với nhiều nông hộ nhỏ, nhưng mức độ tham gia thực tế vẫn có thể thấp nếu người dân khó hiểu cơ chế chi trả, mức phí còn cao hoặc chỉ số chưa phản ánh sát tổn thất địa phương. Việc định phí bảo hiểm phải phù hợp với khả năng chi trả của nông dân. Mức phí thấp trong mô hình PMFBY, là yếu tố quan trọng giúp nông dân tham gia. Phần phí còn lại được Chính phủ và chính quyền bang đồng tài trợ. Điều này cho thấy trợ cấp phí bảo hiểm là cần thiết để mở rộng độ bao phủ.

### **4.2.3. Dữ liệu rủi ro và công nghệ**

PMFBY cho thấy điểm nghẽn lớn là chậm bồi thường, thường mất từ 2 đến 6 tháng do phải thực hiện nhiều thử nghiệm cắt tỉa cây trồng thủ công. Vì vậy, khi triển khai bảo hiểm chỉ số cần cải thiện khâu thu thập dữ liệu, giảm thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian chi trả để bảo hiểm thực sự hỗ trợ nông dân sau thiên tai.

Dữ liệu rủi ro và công nghệ chính là nền tảng kỹ thuật của mọi mô hình bảo hiểm thiên tai, đặc biệt với bảo hiểm chỉ số. Việc xác định ngưỡng kích hoạt, khu vực áp dụng, tần suất tổn thất và mức chi trả chỉ hiệu quả khi có dữ liệu quan trắc đầy đủ, tin cậy và phù hợp với đặc thù địa phương. Việc kết hợp dữ liệu vệ tinh, mạng lưới quan trắc và công nghệ theo dõi thời gian thực giúp quy trình chi trả nhanh hơn, minh bạch hơn và giảm chi phí hành chính. Ngược lại, nếu dữ liệu thiếu chính xác hoặc không phản ánh đúng rủi ro địa phương, mô hình bảo hiểm sẽ phát sinh basis risk cao, làm suy giảm hiệu quả bảo vệ tài chính và mức độ chấp nhận của thị trường.

#### **4.3. Thực trạng triển khai các sản phẩm bảo hiểm thiên tai ở Việt Nam**

Thị trường bảo hiểm rủi ro thiên tai ở Việt Nam hiện vẫn ở giai đoạn đầu, quy mô còn nhỏ so với mức độ rủi ro thực tế. Việt Nam thường xuyên chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, sạt lở và xâm nhập mặn, với thiệt hại do thiên tai ước tính khoảng 1% GDP mỗi năm. Khoản trống tài chính sau thiên tai còn lớn, khi năng lực tài chính hiện tại chỉ đáp ứng khoảng 21% nhu cầu tái thiết và phục hồi khẩn cấp. Trong 50 năm tới, Việt Nam có 40% khả năng gặp một sự kiện thiên tai gây thiệt hại kinh tế trên 6,7 tỷ USD và ảnh hưởng tới hơn 39 triệu người.

Tuy nhiên, Việt Nam hiện chưa hình thành thị trường bảo hiểm thiên tai độc lập. Rủi ro thiên tai chủ yếu được lồng ghép trong các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm tài sản, cháy nổ, kỹ thuật, hàng hóa, nông nghiệp, thủy sản và gián đoạn kinh doanh.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, nhu cầu bảo hiểm trước rủi ro thiên tai rất lớn nhưng việc triển khai còn nhiều khó khăn.

Chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 ghi nhận tổng giá trị được bảo hiểm khoảng 7.747,9 tỷ đồng, doanh thu phí 394 tỷ đồng, trong khi số tiền bồi thường lên tới 701,8 tỷ đồng. Tỷ lệ bồi thường chung khoảng 178%, riêng nuôi trồng thủy sản khoảng 306% (Khôi Đ.K. và cộng sự, 2017). Điều này cho thấy rủi ro trong nông nghiệp rất cao, khó định phí và dễ gây thua lỗ cho doanh nghiệp bảo hiểm nếu thiếu cơ chế hỗ trợ của Nhà nước hoặc tái bảo hiểm.

Dù vậy, quy mô bảo hiểm nông nghiệp hiện vẫn rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 0,06% đến 0,1% tổng phí bảo hiểm gốc của thị trường phi nhân thọ từ năm 2019 đến nay. Một số mô hình thí điểm mới, như bảo hiểm nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2025, đã tiếp cận hơn 2.600 nông dân, trong đó 653 người tham gia, với 1.564 ha lúa được bảo hiểm. Kết quả này cho thấy tín hiệu mở rộng, nhưng phạm vi vẫn còn hạn chế so với quy mô sản xuất và mức độ rủi ro khí hậu.

Nhìn chung, thị trường bảo hiểm thiên tai ở Việt Nam có bốn đặc điểm chính: nhu cầu bảo vệ tài chính rất lớn nhưng tỷ lệ tham gia còn thấp; sản phẩm bảo hiểm thiên tai chưa phát triển thành phân khúc độc lập; bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm chỉ số có tiềm năng nhưng gặp khó do thiếu dữ liệu, khó định phí, rủi ro bồi thường cao và nhận thức của người dân còn hạn chế; vai trò của Nhà nước, tái bảo hiểm và dữ liệu rủi ro là yếu tố then chốt để thị trường phát triển bền vững.

#### **4.4. Bài học rút ra cho Việt Nam**

Trước hết, bảo hiểm thiên tai chỉ hiệu quả khi được đặt trong khung quản lý rủi ro tổng thể, không nên triển khai như một sản phẩm đơn lẻ. Cần kết hợp bảo

hiêm, tái bảo hiểm, ngân sách dự phòng, hỗ trợ khẩn cấp và các công cụ tài chính khác để hình thành cơ chế nhiều tầng, phù hợp với từng mức độ rủi ro.

Thứ hai, vai trò của Nhà nước có ý nghĩa quyết định. Các mô hình thành công trên thế giới đều gắn với sự tham gia mạnh mẽ của Nhà nước trong việc ban hành khung pháp lý, hỗ trợ phí, cung cấp dữ liệu, bảo lãnh rủi ro và điều phối các quỹ liên quan. Với Việt Nam, điều này càng cần thiết vì thị trường bảo hiểm thiên tai còn non trẻ, mức độ tham gia tự nguyện chưa cao, trong khi rủi ro thiên tai mang tính hệ thống.

Thứ ba, cần ưu tiên các mô hình phù hợp với điều kiện dữ liệu và năng lực quản lý hiện có. Trong giai đoạn đầu, bảo hiểm tham số và bảo hiểm chỉ số là lựa chọn phù hợp nhờ chi trả nhanh, minh bạch và chi phí quản lý thấp. Tuy nhiên, để vận hành hiệu quả, Việt Nam phải đầu tư vào hệ thống dữ liệu khí tượng, thủy văn, bản đồ rủi ro và cơ sở dữ liệu tổn thất nhằm hạn chế sai lệch chỉ số.

Thứ tư, hỗ trợ phí và chia sẻ rủi ro là điều kiện cần để mở rộng độ bao phủ bảo hiểm. Nhiều quốc gia chỉ thành công khi có trợ cấp cho nhóm dễ bị tổn thương như nông dân nhỏ lẻ và hộ thu nhập thấp. Việc hỗ trợ cần gắn với khu vực rủi ro và mức độ dễ tổn thương để bảo đảm công bằng và hiệu quả ngân sách.

Thứ năm, gắn bảo hiểm với sinh kế và tài chính nông nghiệp sẽ làm tăng sức hấp dẫn của sản phẩm. Bảo hiểm nông nghiệp thường hiệu quả hơn khi đi kèm tín dụng, khuyến nông, hỗ trợ đầu vào và các chương trình thích ứng khí hậu.

Thứ sáu, cần xây dựng niềm tin thị trường bằng truyền thông và minh bạch cơ chế chi trả. Việt Nam nên đẩy mạnh

tuyên truyền, thí điểm quy mô nhỏ, công bố kết quả rõ ràng và đơn giản hóa thủ tục tham gia.

Cuối cùng, cần có lộ trình phát triển theo từng giai đoạn: trước mắt tập trung ở khu vực rủi ro cao, sau đó mở rộng hợp tác công tư, tăng cường tái bảo hiểm quốc tế và tiến tới nghiên cứu các công cụ như quỹ chia sẻ rủi ro khu vực hay trái phiếu thảm họa khi điều kiện chín muồi.

## V. Kết luận

Bảo hiểm rủi ro thiên tai là công cụ quan trọng giúp giảm tổn thất, hỗ trợ phục hồi sau thảm họa và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế. Đối với Việt Nam, trong bối cảnh thiên tai ngày càng phức tạp, việc hoàn thiện pháp lý, đầu tư dữ liệu rủi ro, mở rộng hỗ trợ cho nhóm dễ tổn thương và phát triển mô hình bảo hiểm phù hợp là yêu cầu cấp thiết. Đây không chỉ là giải pháp tài chính trước mắt mà còn là định hướng chiến lược cho phát triển bền vững.

## Tài liệu tham khảo

- Carter, M., Janvry, A. D., Sadoulet, E., & Sarris, A. (2017). *Index-based weather insurance for developing countries: A review of evidence and a set of propositions for up-scaling* (Working Paper No. 111). Fondation pour les études et recherches sur le développement international. <https://ferdi.fr/dl/df-kLB5hYBaUiR2Vysm2cH5DfCP/ferdi-p111-index-based-weather-insurance-for-developing-countries-a-review.pdf>
- Khoi, D. K., Thiep, D. H., Hue, N. T., Tinh, T. V., & Thinh, P. D. (2017). *Study on the Lessons Learned from the National Agriculture Insurance Pilot Program in Vietnam*. ASEAN Climate Resilience Network (ASEAN-CRN). <https://asean-crn.org/study-on-the-lessons-learned-from-the-national-agriculture-insurance-pilot-program-in-Vietnam/>

- Ministry of Agriculture & Farmers Welfare, Government of India. (2024). *Operational Guidelines of Pradhan Mantri Fasal Bima Yojana (PMFBY)*. Department of Agriculture & Farmers Welfare. <https://pmfby.gov.in/guidelines>
- Nguyễn Thị Vân Hà, (2016). Khái niệm và các khung mô hình đánh giá tổn thương do thiên tai trên thế giới - Đánh giá khả năng áp dụng ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, 32(4), 37-48.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2022). *Luật Kinh doanh bảo hiểm (Luật số 08/2022/QH15)*. Ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2022.
- Surminski, S., Bouwer, L. M., & Mullin, J. (2016). *Disaster risk insurance and the triple dividend of resilience*. Overseas Development Institute. <https://odi.org/en/publications/disaster-risk-insurance-and-the-triple-dividend-of-resilience/>
- World Bank. (2025). *Disaster Risk Management Financing in India Review*. World Bank Group. <https://doi.org/10.1596/44526>

## INTERNATIONAL EXPERIENCES IN IMPLEMENTING DISASTER RISK INSURANCE AND LESSONS FOR VIETNAM

Mai Tuan Anh<sup>1</sup>, Tran Anh Tuan<sup>1</sup>

**Abstract:** *This study analyzes international experience in implementing natural disaster risk insurance in selected countries in order to draw lessons for Vietnam. It employs secondary data analysis, international comparison, and case study synthesis. Data are collected from reports by international organizations, policy documents, academic studies, and information on insurance penetration and government support mechanisms in the selected countries. The findings show that successful natural disaster risk insurance models often rely on a combination of government involvement, insurance companies, reinsurance, risk data, and appropriate financial support mechanisms for vulnerable groups. Based on these findings, the paper proposes several policy implications for Vietnam, including improving the legal framework, developing a risk database, designing suitable insurance products, and strengthening the State's coordinating role.*

**Keywords:** *disaster risk insurance, insurance policy, climate change adaptation*

---

<sup>1</sup> Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam